

Số: 139 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 09 tháng 6 năm 2022

## BÁO CÁO

### Tình hình công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm 2022

Thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành nghiêm túc triển khai thực hiện. Kết quả đạt được 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

#### PHẦN I. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHÜNG

##### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHÜNG (PCTN) 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

###### 1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh luôn chú trọng đến công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng nhất là các văn bản mới được ban hành.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí phát sóng, đưa tin, bài tuyên truyền, triển khai lòng ghép trong các hội nghị, trên sóng phát thanh, truyền hình duy trì thực hiện chương trình “Phòng, chống tham nhũng” phát sóng 02 kỳ/ tháng, thời lượng 10 phút/ chương trình và trong các chương trình thời sự hàng ngày có khoảng 12 đến 15 tin, bài; trên báo in và báo điện tử chuyên mục “Phòng, chống tham nhũng” đăng 02 kỳ/ tháng, trung bình mỗi năm có từ 03 đến 05 tin, bài; đồng thời, duy trì việc giảng dạy lòng ghép kiến thức pháp luật về PCTN với kiến thức quản lý nhà nước trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, tích hợp vào môn học giáo dục công dân giảng dạy tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh. Trong kỳ, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã phối hợp tổ chức được 90 buổi hội nghị, sinh hoạt lòng ghép tuyên truyền pháp luật về PCTN với 2.335 lượt người tham dự; cấp phát 392 bộ tài liệu.

###### 2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) *Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:* các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành và thực hiện quy chế công khai tài chính, công khai dự toán thu - chi ngân sách; thực hiện công khai việc mua sắm tài sản công, chế độ chính sách về tiền lương và các chế độ khác có liên quan đến quyền và lợi ích của cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ cơ quan. Đồng thời, thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính, các quy trình, thủ tục, thời hạn giải quyết đối với công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân tại trụ sở làm việc, công khai trên Website của UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trong kỳ, tổng số cơ quan, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch là 46 cơ quan, đơn vị. Qua kiểm tra chưa phát hiện vi phạm.

b) *Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:* UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới và công khai kết quả thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước được giao; quản lý chặt chẽ hoạt động chi ngân sách nhà nước, thực hiện tiết kiệm, cắt giảm tối đa các khoản chi chưa thật sự cần thiết, đồng thời nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Trong kỳ, số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn ban hành mới là 18 văn bản; số văn bản sửa đổi, bổ sung 01 văn bản; thực hiện 02 cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn. Qua kiểm tra chưa phát hiện sai phạm.

c) *Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:*

Tiếp tục tổ chức quán triệt và chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định tại Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Công văn số 1837/UBND-NC ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính. Trong kỳ, số cơ quan, đơn vị kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức là 47 cơ quan, đơn vị. Qua kiểm tra chưa phát hiện sai phạm.

d) *Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:* trong kỳ, chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

đ) *Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:* kết quả số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là 3.126 thủ tục; số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là 2.353 thủ tục. Đồng thời, triển khai thực hiện chữ ký số; sử dụng hệ thống mail công vụ để trao đổi công việc; gửi và nhận văn bản hành chính thông qua hệ thống điều hành tác nghiệp để tiết kiệm chi phí.

*Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản:* đa số các cơ quan, đơn vị đã thực hiện phương thức thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định; áp dụng trả lương qua tài khoản cho CBCC, viên chức thông qua hệ thống ATM (chiếm 100%).

e) *Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:*

- Thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 30/3/2019 của Bộ Chính trị, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và Công văn số 252/TTCP.C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập. UBND tỉnh đã kịp thời xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo để triển khai thực hiện, cụ thể như: Kế hoạch số 292/KH-UBND ngày 27/11/2020 về triển khai, thực hiện Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ; Công văn số 646/UBND-NC ngày 02/3/2021 về hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập: tổng số cơ quan, đơn vị đã tổ chức việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập: 813/813 cơ quan, đơn vị, đạt 100%; tổng số người phải kê khai: 5.157 người, trong đó: số người đã thực hiện kê khai: 5.152 người (đạt 99,9%); số người chậm thực hiện hoặc chưa thực hiện kê khai: 05 (chiếm 0,1%). Lý do: 01 người nghỉ thai sản, 01 người nghỉ không hưởng lương, 01 người đang bị tạm giam, 01 người nghỉ việc theo nguyện vọng, 01 người chuyển công tác.

- Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh về xác minh tài sản, thu nhập trên địa bàn tỉnh. Ngày 17/9/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 184/QĐ-UBND về việc Xác minh tài sản, thu nhập đối với các tổ chức, cá nhân năm 2021. Đến ngày 01/3/2022, UBND tỉnh ban hành Kết luận số 47/KL-UBND về xác minh tài sản, thu nhập đối với các tổ chức, cá nhân năm 2021. Kết quả như sau: số cơ quan được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập là 05 cơ quan; số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập là 53 người. Qua xác minh có 16 người kê khai chưa đầy đủ theo quy định. Đã yêu cầu tổ chức kiểm điểm theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.

### **3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị**

a) *Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:* trong kỳ chưa phát hiện sai phạm.

b) *Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:* không phát hiện trường hợp nào.

c) *Kết quả xem xét, phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét, phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo:* không phát hiện trường hợp nào.

*d) Kết quả điều tra, xử lý tội phạm tham nhũng*

- Tổng số vụ án, bị can thụ lý, điều tra: 06 vụ/13 bị can.
- Kỳ trước chuyển sang: 04 vụ/07 bị can. Trong đó:
  - + Án tham nhũng 03 vụ - 07 bị can;
  - + Án chức vụ 01 vụ - 0 bị can.
  - + Án trả điều tra bổ sung: 01 vụ - 06 bị can.
- Khởi tố mới: 01 vụ - 00 bị can.

- Kết quả xử lý: số vụ án, bị can đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố: 0; số vụ án, bị can đang tiếp tục điều tra: 06 vụ - 13 bị can.

*đ) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng:* tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được: 2.657.137.000 đồng. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: 2.523.137.000 đồng.

*e) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu:* trong kỳ, không phát sinh việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng tại cơ quan, đơn vị mình quản lý.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, cấp ủy, chính quyền các cấp đã thường xuyên quán triệt, tập trung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động các Nghị quyết, Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên mọi lĩnh vực, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện thể chế; thực hiện công khai, minh bạch tài chính, ngân sách trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công, doanh nghiệp nhà nước, sử dụng đất đai, mua sắm tài sản công, đầu tư xây dựng cơ bản... nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, tập trung thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực nhạy cảm nhiều dư luận về tiêu cực, tham nhũng, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các sai phạm. So với cùng kỳ năm trước cho thấy công tác PCTN đã có nhiều chuyển biến tích cực.

## PHẦN II. TÌNH HÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, TỔ CHỨC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

#### 1. Công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)

- Các cấp, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện nghiêm túc công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN, THTK, CLP (Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH11; Nghị định 84/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Chỉ thị số 21/CT-TW ngày 21/12/2012 của Ban Bí

Thư về việc đẩy mạnh THTK, CLP; Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ) thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, bên cạnh đó các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh cũng đã tổ chức tuyên truyền pháp luật về PCTN và THTK, CLP đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cuộc họp, hội nghị, ngày pháp luật... nhằm nắm rõ các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước, qua đó tạo sự chuyển biến rõ về nhận thức, hành động trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/05/2016 của Bộ Chính trị.

## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP**

- Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2262/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp THTK, CLP trong các lĩnh vực, góp phần huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phục hồi và phát triển kinh tế; phòng, chống, khắc phục hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã đưa nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương của Đảng, các quy định pháp luật về THTK, CLP vào chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị mình, bảo đảm tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị được quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng và hiểu rõ các quy định pháp luật về THTK-CLP.

- Tổ chức tốt quy chế dân chủ, thực hiện tốt công tác tiếp dân, tiếp nhận và điều tra xử lý nghiêm các cá nhân, tổ chức có hành vi tham nhũng, lãng phí của công.

- Đẩy mạnh cuộc vận động học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về THTK, CLP góp phần đưa THTK, CLP dần trở thành ý thức tự giác của mỗi người.

## **3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP**

- Ngày 12/4/2022, UBND tỉnh ban hành Công văn số 762/UBND-TH về việc tổ chức thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí (*có Đề cương Thanh tra áp dụng chung trên toàn tỉnh*).

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát về THTK, CLP theo từng ngành, từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các ngành, các địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, tạo nhiều kênh thông tin để toàn thể CBCC, VC, NLD tham gia giám sát việc THTK, CLP tại cơ quan, đơn vị.

## **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CÁC LĨNH VỰC**

### **1. Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán; quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước**

#### *a) Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán*

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, nội dung, đối tượng và thời gian theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính; đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

- Tăng cường quản lý và từng bước cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước phù hợp, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên, chi đầu tư và chi trả nợ; quản lý nợ công theo hướng bảo đảm cân đối thu, chi ngân sách an toàn, bền vững, góp phần ổn định kinh tế - xã hội của toàn tỉnh. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện kỷ luật kỷ cương tài chính.

- Trong công tác tham mưu, chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện và huy động các nguồn lực tương ứng các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

- Việc lập, thẩm định, phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước được thực hiện đảm bảo tính chính xác, trung thực; căn cứ vào định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

#### *b) Quản lý, quyết toán sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước*

- Quản lý, điều hành chi ngân sách nhà nước bám sát dự toán giao, hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh đột xuất ngoài dự toán, không bổ sung kinh phí ngoài dự toán khi chưa cân đối được ngân sách. Tiết kiệm triệt để, đặc biệt là dự toán chi xây dựng trụ sở, mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền; tiết kiệm tối đa thời gian và kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, lễ kỷ niệm, lễ khởi công, khánh thành, tổng kết.

- Việc sử dụng điện chiếu sáng công cộng cũng được bố trí hợp lý, lắp đặt và điều chỉnh giờ thắp sáng theo từng mùa, đảm bảo phù hợp và tiết kiệm; Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu, đảm bảo các nguồn kinh phí được thực hiện đúng nội dung, đúng đối tượng; Thực hiện có hiệu quả đến tất cả các đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày

17/10/2005 của Chính phủ về việc quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập nhằm tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính và hiệu suất hoạt động. Các đơn vị được giao tự chủ thực hiện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp thống nhất công khai trong đơn vị, đề ra các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Quyết định số 999-QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm ngân sách, giảm chi thường xuyên, cải cách tiền lương.

Trong kỳ, tổng số kinh phí tiết kiệm được qua công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước với số tiền: 164,725 tỷ đồng. Trong đó:

- Tổng số tiết kiệm chi quản lý hành chính, thực hiện khoán chi, giao quyền tự chủ, tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo và kinh phí y tế là 5,315 tỷ đồng.

- Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên 10% và tiết kiệm theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ để bổ sung nguồn cải cách tiền lương đối với các đơn vị dự toán thuộc ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố là 159,410 tỷ đồng.

## **2. Trong mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**

### *a) Mua sắm, sử dụng phương tiện, thiết bị*

- Tiếp tục triển khai công tác mua sắm tập trung theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại tại các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương; thực hiện phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- Quy trình mua sắm phương tiện, thiết bị làm việc: thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

### *b) Sử dụng phương tiện, thiết bị*

- Xe ô tô phục vụ công tác: Thực hiện Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, ngày 20/7/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1636/QĐ-UBND về Đề án sắp xếp ô tô phục vụ công tác các chức danh và công tác chung tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Việc sắp xếp ô tô phục vụ công tác các chức danh và công tác chung tại các cơ quan, đơn vị đã mang lại một số hiệu quả thiết thực như giảm chi phí quản lý, chi lương cho người lao động thực hiện lái xe; giảm chi phí sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng; giảm chi phí duy trì vận hành. Tiết kiệm cho ngân sách mỗi năm trên 12,8 tỷ đồng.

- Sử dụng thiết bị làm việc: Máy móc, thiết bị văn phòng của cơ quan, đơn vị, địa phương được trang bị, bố trí sử dụng theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; chỉ được thay thế theo yêu cầu công tác của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi đã sử dụng vượt quá thời gian theo chế độ quy định hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng; không có trường hợp sử dụng phương tiện, thiết bị của nhà nước vào việc riêng, bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn, cầm cố, thế chấp hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

### **3. Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành rà soát các danh mục dự án đầu tư, thực hiện cắt giảm đối với các dự án hiệu quả thấp, điều chuyển nguồn vốn cho các dự án hoàn thành hoặc có điều kiện hoàn thành sớm và phát huy được hiệu quả; yêu cầu các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng tuân thủ nguyên tắc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc thiết kế, kết cấu, thi công xây dựng công trình đảm bảo đúng quy định. Vì vậy, đã hạn chế được nhiều công trình, dự án xây dựng dở dang, tránh lãng phí ngân sách nhà nước.

- Về quản lý, sử dụng trụ sở làm việc: Công tác quản lý, sử dụng, xây dựng trụ sở mới được thực hiện đúng tiêu chuẩn theo quy định. Đối với các trụ sở đã xuống cấp hoặc thừa diện tích sử dụng so với định mức quy định, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan rà soát, sắp xếp lại, điều chuyển từ nơi thừa sang nơi thiếu hoặc thu hồi để thanh lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 Chính phủ.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư công lựa chọn nhà thầu xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn dưới Luật. Việc lựa chọn nhà thầu được các chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Trong kỳ, việc thực hiện quy định về thẩm định phê duyệt dự án, công tác lựa chọn nhà thầu, quyết toán vốn đầu tư công đã tiết kiệm cho ngân sách nhà nước là 20,711 tỷ đồng. Bao gồm:

+ Tiết kiệm trong thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 15,483 tỷ đồng.

+ Tiết kiệm trong thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: 5,228 tỷ đồng.

#### **4. Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên**

- Rà soát kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, chú trọng các nguồn tài nguyên khoáng sản, đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên nước và các lĩnh vực ảnh hưởng lớn đến môi trường, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, lợi ích hợp pháp của người dân và mục tiêu bảo vệ môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc giao đất, sử dụng đất đối với tổ chức, cá nhân. Việc giao đất, cho thuê đất được thực hiện trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất ổn định, lâu dài của các tổ chức hoặc các dự án đầu tư đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích. Kiên quyết thu hồi đất sử dụng không đúng quy định của pháp luật về đất đai, tránh tình trạng sử dụng đất lãng phí, kém hiệu quả. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai, tập trung giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai. Đồng thời, thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để cho thuê đất, giao đất, bán đấu giá theo giá thị trường làm tăng nguồn thu ngân sách tỉnh.

Trong kỳ, đã xử lý vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên 03 vụ với số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được 45 triệu đồng.

#### **5. Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**

Các doanh nghiệp nhà nước thực hiện nhiều biện pháp cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm mức tiêu hao nguyên, vật liệu, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, đẩy mạnh sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh. Từ đó, tiết kiệm được từ chi phí, giá thành sản phẩm kinh doanh và trong quản lý đầu tư xây dựng với số tiền 1,288 tỷ đồng.

Thực hiện thủ tục chuyển giao Công ty Cổ phần Xây dựng Bình Phước về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) quản lý theo quy định.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Đánh giá kết quả đạt được**

- Được sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát của UBND tỉnh, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của bộ, ngành, trung ương và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh để xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện; tổ chức thực hiện nghiêm, hiệu quả theo kế hoạch đã xây dựng và đã đạt được những kết quả nhất định.

- Các đơn vị ngày càng có ý thức và trách nhiệm hơn trong các hoạt động của mình để từng bước kiểm soát được việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Công tác cải cách hành chính được triển khai thực hiện có nhiều chuyển biến; đã triển khai thực hiện rà soát văn bản pháp quy, thực hiện cải cách các thủ tục hành chính nhằm cắt giảm thủ tục không gây lãng phí về thời gian và thủ tục; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, từng bước nâng cao uy tín của chính quyền trong công tác quản lý nhà nước.

- Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán hàng năm, kế hoạch xây dựng cơ bản...để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

- Tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị có triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhưng chưa thật sự hiệu quả, ý thức tiết kiệm của một số CBCC, VC chưa cao. Công tác báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở một số đơn vị còn chậm trễ và chưa thực hiện báo cáo đúng theo quy định, chưa bám sát theo nội dung đề cương hướng dẫn, số liệu thực hiện chưa bao quát hết các chỉ tiêu yêu cầu nên việc tổng hợp tình hình THTK, CLP của tỉnh chưa được toàn diện.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai thực hiện, cũng như công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về THTK, CLP đôi khi chưa được thường xuyên, còn mang tính hình thức, chủ yếu tổ chức lòng ghép các hội nghị, cuộc họp của các cơ quan, sinh hoạt chi bộ, tổ chức đoàn thể; chưa phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội và nhân dân trong THTK, CLP, tố cáo hành vi lãng phí; vai trò giám sát hiệu quả chưa cao.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc THTK, CLP tại các cấp, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình thực hành, tiết kiệm chống lãng phí của tỉnh theo Chương trình tổng thể của Chính phủ. Trên cơ sở đó, tổ chức triển khai toàn diện công tác THTK, CLP trong phạm vi ngành, lĩnh vực địa phương quản lý, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau:

+ Thực hiện nghiêm các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ.

+ Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện công tác THTK, CLP.

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình phước theo Quyết định số 999/QĐ-TU ngày 10/04/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

+ Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động các cơ quan nhà nước của tỉnh, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức gây lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng tinh thần Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

### **PHẦN III. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT**

#### **I. CÔNG TÁC THAM MUƯU, CHỈ ĐẠO**

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo như: Chỉ thị về lãnh đạo thực hiện công tác quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội (TTATXH) năm 2022, Chỉ thị về tổ chức Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, Kế hoạch thực hiện Kết luận 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; đồng thời, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự (ANTT), đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, điển hình như: Kế hoạch thực hiện Chương trình của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tội phạm năm 2022; Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tội phạm mua bán người năm 2022...

Công an tỉnh với vai trò thường trực đã tham mưu ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tỉnh; Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trọng điểm, phức tạp về TTATXH... Tham mưu triển khai có hiệu quả đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo ANTT trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; công tác chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về TTATXH...

#### **II. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ CÔNG TÁC BẢO ĐẢM ANCT**

Trên tuyến biên giới, lực lượng Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Công an tiếp tục tăng cường, siết chặt công tác chốt chặn, kiểm soát, quản lý hoạt động xuất nhập cảnh qua biên giới nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc liên quan đến ANTT. Tình hình xuất nhập cảnh trái phép trên tuyến biên giới xảy ra **86 vụ - 224 trường hợp** nhập cảnh trái phép (*tăng 35 vụ - 53 trường hợp so với cùng kỳ năm 2021*).

Trong nội địa, lực lượng Công an đã chủ động nắm tình hình, triển khai các kế hoạch, biện pháp công tác bảo vệ an ninh chính trị, đảm bảo an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh thông tin, an ninh xã hội. Tình hình khiếu kiện có **27 đợt** -

**236** lượt người đến Ban Tiếp công dân tỉnh và các cơ quan Trung ương khiếu kiện, trong đó: **23** đợt - **236** lượt người đến Ban Tiếp công dân tỉnh, **04** đợt - **21** lượt người ra Hà Nội, so với cùng kỳ năm 2021, tăng 05 đợt, giảm 86 lượt người dân đi khiếu kiện. Đã chỉ đạo Công an tỉnh đã phối hợp các ngành liên quan tham mưu giải quyết, vận động người dân trở về địa phương.

Về tình hình an ninh thông tin, truyền thông, an ninh mạng: Đã chỉ đạo Công an tỉnh đã tổ chức đăng tải 1.076 tin, bài, phóng sự, thực hiện 2.530 lượt bình luận, tuyên truyền, đăng tải các thông tin tích cực và đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên báo chí, mạng internet, các phương tiện truyền thông; phát hiện và phối hợp cùng các đơn vị có liên quan khắc phục 10 lỗ hổng bảo mật, phòng ngừa việc lộ, mất bí mật nhà nước, mất an toàn thông tin. Đã phát hiện 15 vụ vi phạm trên không gian mạng. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 04 vụ - 04 trường hợp tổng số tiền 30.000.000đ, kiểm điểm trước dân 01 trường hợp, các trường hợp còn lại nhắc nhở, cam kết không tái phạm.

### III. CÔNG TÁC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

#### 1. Tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm

a) *Tội phạm và vi phạm pháp luật về TTXH:* Xảy ra 243 vụ, làm chết 08 người, bị thương 52 người và thiệt hại tài sản trị giá khoảng 12 tỷ đồng, giảm 15 vụ ( $243/258$ ) = 5,8% so với cùng kỳ năm 2019 và không tăng giảm số vụ ( $243/243$ ), so với cùng kỳ năm 2021. Tội phạm chủ yếu là tội phạm ít nghiêm trọng như: trộm cắp tài sản 72 vụ (chiếm 29,6%); đánh bạc 45 vụ (chiếm 18,5%); cố ý gây thương tích 45 vụ (chiếm 18,5%); trong đó, nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu tài sản chiếm 47%, nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe chiếm 33,3% và tệ nạn xã hội chiếm 21,8% tổng số vụ. Đã điều tra làm rõ 223/243 vụ - 496 đối tượng (đạt 91,7%). Thu hồi tài sản trị giá khoảng 2,1 tỷ đồng và tạm giữ 547 triệu đồng cùng nhiều tang vật liên quan trong các vụ đánh bạc. Đã khởi tố 173 vụ - 427 bị can, xử lý hành chính 11 vụ - 48 đối tượng, phạt tổng số tiền 73,6 triệu đồng và đang tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý các vụ còn lại. *Đáng chú ý* tội phạm sử dụng công nghệ cao đã phát hiện 07 vụ - 09 đối tượng, trong đó: 01 vụ - 08 đối tượng đánh bạc trên không gian mạng với số tiền khoảng 10 tỷ đồng, đã khởi tố vụ án, khởi tố 07 bị can; 06 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền bị chiếm đoạt khoảng 7,6 tỷ đồng (Cơ quan điều tra đã kịp thời phối hợp cơ quan liên quan phong toả số tiền 537,8 triệu đồng), đã khởi tố 03 vụ - 01 bị can. Triệt phá 01 nhóm - 05 đối tượng (liên quan đến đường dây cá độ bóng đá qua mạng). Đưa 03 đối tượng vào Cơ sở giáo dục, Trường Giáo dưỡng.

b) *Tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, chức vụ (TTQLKT, CV) và tham nhũng:* Phát hiện 248 vụ - 222 đối tượng (trong đó có 51 vụ vắng chủ), *nhiều hơn* 03 vụ so với cùng kỳ năm 2019 ( $248/245$ ) và *nhiều hơn* 29 vụ so với cùng kỳ năm 2021 ( $248/219$ ), trong đó: *Tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế* phát hiện 243 vụ, chủ yếu là mua bán vận chuyển hàng cấm (thuốc lá nhập lậu, pháo nổ) và kinh doanh, vận chuyển hoang hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ.

Thu giữ: 313 triệu đồng tiền mặt; 77.901 gói thuốc lá; hơn 2.409 kg pháo các loại cùng một số hàng hóa, tang vật khác. Đã khởi tố 62 vụ - 68 bị can; xử lý hành chính 101 vụ - 108 đối tượng, phạt tiền 1,378 tỷ đồng, các vụ còn lại đang củng cố hồ sơ, xử lý. *Tội phạm buôn lậu:* Lực lượng Công an phát hiện, khởi tố 02 vụ - 02 bị can và đang thụ lý 04 vụ do đơn vị ngoài ngành chuyển đến. *Tội phạm tham nhũng và chức vụ* phát hiện, khởi tố 03 vụ - 02 bị can (02 vụ tham ô; 01 vụ thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng).

*c) Vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường:* Phát hiện 126 vụ - 121 đối tượng (trong đó 11 vụ vắng chủ), đạt 35,7% chỉ tiêu Bộ Công an giao, nhiều hơn 03 vụ so với cùng kỳ năm 2019 (126/123) và nhiều hơn 12 vụ (126/114) so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu là vi phạm về khai thác khoáng sản (đất, cát), vi phạm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và gây ô nhiễm môi trường. Đã khởi tố 01 vụ - 03 bị can (đạt 33,33% chỉ tiêu Bộ Công an giao), xử lý hành chính 98 vụ - 102 đối tượng, phạt tiền 1,6 tỷ đồng, các vụ còn lại đang củng cố hồ sơ, xử lý.

*d) Tội phạm về ma túy:* Phát hiện, bắt giữ 128 vụ - 206 đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, ít hơn 09 vụ so với cùng kỳ năm 2021 (128/137). Thu giữ: Khoảng 02 kg ma túy tổng hợp; 0,35 kg heroin, 56 viên MDMA, 01 súng rulo và một số tang vật khác có liên quan. Đã khởi tố 112 vụ - 171 bị can, xử lý hành chính 12 vụ - 27 đối tượng và đang điều tra làm rõ, xử lý các vụ còn lại. Đã đấu tranh, triệt xóa 19 điểm; 08 tụ điểm. Hiện còn 16 điểm, 01 tụ điểm đang tiếp tục đấu tranh.

Tổng số người nghiện trên địa bàn tỉnh hiện đang quản lý 1.559 người, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm 2021 (1.559/1.971 người). Số người nghiện ma túy tổng hợp là 1.325 người, chiếm tỉ lệ 85% so với tổng số người nghiện. Số người nghiện có biểu hiện liên quan đến tội phạm khác 110 người; số có biểu hiện tâm thần (ngáo đá) 13 người. Số đang điều trị thay thế bằng thuốc Methadone là 77 người. Lập 117 hồ sơ đề nghị đưa đi cai nghiện bắt buộc (CNBB), trong đó: đã có quyết định 105 hồ sơ (đưa đi CNBB: 65; khởi tố hành vi khác: 03; xin hoãn: 01; chưa bắt: 36). Hiện còn 237 người nghiện có Quyết định của Tòa án nhân dân chưa đưa vào CNBB đang ngoài xã hội (năm 2021: 201, năm 2022: 36; ). Có 01 xã không có tệ nạn về ma túy.

## 2. Công tác truy nã, tiếp nhận, xử lý tin báo, bắt, điều tra xử lý án

*a) Công tác truy nã:* Số cũ chuyển qua 52 đối tượng, phát sinh mới 14 đối tượng, đã bắt, vận động đầu thú 14 đối tượng, hiện còn 52 đối tượng.

*b) Công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo tội phạm:* Tiếp nhận, xử lý 871 tin (trong đó năm trước chuyển qua 131 tin, mới tiếp nhận 690 tin, phục hồi giải quyết 50 tin). Đã giải quyết 827/871 đơn, tin (đạt 95%), trong đó: Ra quyết định khởi tố vụ án hình sự 469 tin; ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự 303 tin; tạm đình chỉ giải quyết 55 tin. Hiện đang xác minh, giải quyết 44 tin.

c) *Công tác bắt giam, giữ*: Bắt giam, giữ 614 đối tượng, trong đó: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp 80 đối tượng; bắt người phạm tội quả tang 431 đối tượng; bắt bị can, bị cáo để tạm giam 94 đối tượng; bắt người đang bị truy nã 09 đối tượng, không có trường hợp bắt oan, sai.

d) *Công tác điều tra xử lý án*: Cơ quan điều tra toàn tỉnh: Thụ lý điều tra 665 vụ - 1.208 bị can, trong đó án cũ chuyển qua 212 vụ - 379 bị can; án mới khởi tố 464 vụ - 852 bị can; phục hồi điều tra 05 vụ - 09 bị can; chuyển đến 18 vụ - 17 bị can, chuyển đi 17 vụ - 27 bị can, giảm do nhập án 18 vụ - 22 bị can, tăng do tách án 01 vụ. Chuyển Viện Kiểm sát đề nghị truy tố 350 vụ - 608 bị can. Đinh chỉ điều tra 10 vụ - 09 bị can. Tạm đình chỉ điều tra 25 vụ - 11 bị can. Công tác điều tra, xử lý án được đảm bảo và chấp hành đúng quy định pháp luật, không có trường hợp Viện Kiểm sát hủy quyết định khởi tố, không để xảy ra oan sai, bỏ sót tội phạm, bức cung, nhục hình, chất lượng công tác điều tra được nâng cao.

### **3. Công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn xã hội**

#### *a) Công tác quản lý hành chính về TTXH.*

- Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt 02 Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Dự án sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân; trong 6 tháng đầu năm 2022, đã thu nhận 50.099 hồ sơ cấp căn cước công dân (CCCD). Tính đến nay, Công an Bình Phước đã tổ chức thu nhận 809.542 hồ sơ đề nghị cấp CCCD. Tiếp nhận thẻ CCCD do Cục C06 chuyển về: 666.903 thẻ CCCD. Phối hợp với Bưu điện tỉnh trả thẻ CCCD đến công dân 653.256 TH (đạt tỷ lệ 97,95%). Tổ chức thu thập, làm sạch và đồng bộ lên hệ thống **1.114.801** dữ liệu.

- Thực hiện Đề án 06/CP của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/3/2022 chỉ đạo các sở, ban ngành, đoàn thể, UBND các địa phương nghiêm túc triển khai, thực hiện quyết liệt, đề ra các biện pháp, nhiệm vụ theo lộ trình cụ thể. Trong đó, phân công nhiệm vụ cụ thể, thời gian thực hiện; xác định rõ 43 đầu công việc thuộc 2 nhóm nhiệm vụ và 5 nhóm tiện ích phải hoàn thành; Uu tiên tích hợp, chia sẻ, triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu trong năm 2022 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công tỉnh phục vụ giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. Các sở, ngành tỉnh; 11/11 UBND cấp huyện; 111/111 UBND cấp xã đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện. Thành lập các Tổ công tác triển khai Đề án cấp tỉnh, huyện, xã.

- Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý cư trú, **quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về ANTT**. Qua đó phát hiện, xử phạt hành chính 111 trường hợp vi phạm về cư trú, 113 cơ sở vi phạm các quy định về quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT với số tiền 482 triệu đồng.

b) *Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông (TTATGT)*: Tổ chức tuyên truyền trực tiếp được 15 buổi với khoảng 2.903 người dự, phát 28.813 tờ rơi, tặng 20 phần quà; tuyên truyền lưu động được 366 đợt với 634 giờ; chiếu phim về ATGT tại trụ sở tiếp dân được 1.075 giờ; tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh các xã được 52 giờ. Tổ chức 01 buổi tuyên truyền cho 200 phạm nhân tại

Trại Giam Tống Lê Chân. Tuần tra kiểm soát phát hiện 10.245 trường hợp vi phạm (2.018 ôtô, 8.227 môtô), trong đó, có 1.546 trường hợp vi phạm nồng độ cồn và 02 trường hợp sử dụng chất ma túy khi điều khiển phương tiện. Tổng số xử lý hành chính 13.786 trường hợp (3.243 ôtô, 10.543 môtô) với số tiền 23,325 tỷ đồng, tạm giữ 4.125 trường hợp (175 ôtô, 3.977 môtô), tước quyền sử dụng GPLX: 2.215 trường hợp (1.220 ôtô, 995 môtô). Qua hệ thống camera giám sát: phát hiện 10.037 trường hợp ôtô vi phạm, đã xử lý được 1.374 trường hợp phạt tổng số tiền 4,793 tỷ đồng, tước 1.063 giấy phép lái xe.

*Tai nạn giao thông* xảy ra 63 vụ, làm chết 50 người, bị thương 52 người và hư hỏng 109 phương tiện các loại,  $\text{giảm } 37 \text{ vụ} (63/100) = 37\%$ ,  $\text{giảm } 26 \text{ người chết} (50/76) = 34\%$ ,  $\text{giảm } 07 \text{ người bị thương} (52/59) = 11,8\%$  so với cùng kỳ năm 2019 và  $\text{giảm } 20 \text{ vụ} (63/71) = 11,2\%$ ,  $\text{giảm } 03 \text{ người chết} (50/53) = 5,6\%$ , không tăng,  $\text{giảm } 03 \text{ người bị thương} (52/52)$  so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu do đi sai phần đường, làn đường, tránh vượt sai quy định, chuyển hướng không nhường đường.

c) *Công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (PCCC và CNCH):* Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy. Tổ chức mở 77 lớp tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH cho 78 cơ sở với 2.539 người tham gia. Kiểm tra công tác PCCC, lập biên bản vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 48 cơ sở, với tổng số tiền 250 triệu đồng.

Đã xảy ra 03 vụ cháy, thiệt hại tài sản ước tính khoảng 2,67 tỷ đồng,  $\text{giảm } 07 \text{ vụ} (03/10)$  so với cùng kỳ năm 2019 và  $\text{giảm } 03 \text{ vụ}$  so với cùng kỳ năm 2021 (03/06). Nguyên nhân: Do chập điện 01 vụ và đang điều tra làm rõ 02 vụ. Trong kỳ, lực lượng PCCC và CNCH đã xuất 30 lượt phương tiện cùng 228 lượt cán bộ chiến sỹ tham gia cứu chữa 03 vụ cháy và CNCH 08 vụ việc khác.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong 06 tháng đầu năm 2022, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, chủ công là lực lượng Công an thực hiện tốt công tác đảm bảo ANQG, giữ gìn TTATXH. Các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cơ bản hoàn thành đúng tiến độ. Tình hình an ninh chính trị, an ninh trên tuyến biên giới được giữ vững ổn định, TTATXH được đảm bảo; đấu tranh có hiệu quả với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Các vụ án xảy ra đều được nhanh chóng điều tra, làm rõ, tỉ lệ điều tra, khám phá án cao (đạt trên 90%). Công tác quản lý nhà nước về ANTT được thực hiện tốt; tai nạn giao thông, tình hình cháy, nổ được kiềm giảm...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, đảm bảo ANTT trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại hạn chế như: Một số loại tội phạm như: Trộm cắp tài sản, đánh bạc, cố ý gây thương tích còn xảy ra nhiều; tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao diễn biến ngày càng phức tạp; công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, môi trường, ma túy, đánh bạc đã được tăng cường, tuy nhiên

số vụ được phát hiện, xử lý vẫn mang tính chất nhỏ, lẻ; việc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để đấu tranh với các loại tội phạm chưa được thể hiện rõ nét; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện để phục vụ công tác chưa đáp ứng yêu cầu, do đó ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các mặt công tác; kinh phí hỗ trợ thực hiện các chương trình phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy, phòng, chống mua bán người còn rất hạn chế...

## **PHẦN IV. TÌNH HÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TÓ CÁO**

### **I. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TÓ CÁO**

#### **1. Giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền**

Trong kỳ, tổng số đơn khiếu nại giải quyết là 51 đơn. Hiện đã giải quyết 40/51 đơn, đạt 78,4%; số đơn đang xem xét giải quyết là 11/51 đơn, chiếm 21,6%.

Số quyết định phải thực hiện: 20, số quyết định đã thực hiện xong: 11; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể, cá nhân: 0; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố: 0.

Trong kỳ, Chủ tịch UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh tham mưu giải quyết 06/13 đơn, 07/13 đơn đang trong thời gian xác minh.

#### **2. Giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền**

Trong kỳ, tổng số đơn tố cáo giải quyết là 06/20 đơn chiếm 30%, 14/20 đơn đang trong thời gian xác minh.

Số kết luận phải thực hiện: 05, số kết luận đã thực hiện xong: 0; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân: 0; số người đã bị xử lý trách nhiệm: 03 người (Trong đó không có cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý trách nhiệm).

Trong đó, Chủ tịch UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh tham mưu giải quyết 02 đơn, đã giải quyết 01/02 đơn, 01/02 đơn đang trong thời gian xác minh.

#### **3. Kết quả tham mưu giải quyết các vụ việc khiếu nại đồng người phức tạp, kéo dài theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 363/KH-TTCP của Thanh tra Chính phủ**

Thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTCP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm tra, rà soát, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài. Ngày 28/5/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1112/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, rà soát, giải quyết khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp kéo dài. Ngày 26/6/2019, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1338/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ giúp việc kiểm tra, rà soát, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đồng người, phức tạp, kéo dài. Qua kiểm tra có 05 vụ việc, với 15 hộ (01 vụ ở huyện Bù Đốp với 01 hộ; 01 vụ việc tại huyện Bù Đăng với 11 hộ; 02 vụ tại huyện Lộc Ninh với 02 hộ; 01 vụ huyện Đồng Phú với 01 hộ). Các vụ việc, cơ quan có liên quan đã kiểm tra, rà soát và gấp gỡ đối thoại với các hộ dân trên, đã được UBND tỉnh, UBND huyện ban hành quyết định giải quyết, Thanh tra Chính phủ đã nhiều lần kiểm tra, rà soát và

được Chính phủ thống nhất. Thực hiện các nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản xem xét giải quyết linh hoạt, có lợi cho công dân như: cấp đất an sinh xã hội, tái định cư, tái định canh, hỗ trợ phương tiện lao động...nhưng vẫn còn một số công dân khiếu nại và có nhiều yêu cầu không chính đáng như bồi thường tiền công đi khiếu nại, trả lại đất đã thu hồi do xâm canh lấn chiếm đất lâm nghiệp. Hiện nay, có 07 hộ đồng ý, còn lại 08 hộ không đồng ý phương án giải quyết, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo chấm dứt thụ lý giải quyết các vụ việc trên theo quy định.

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Tình hình khiếu nại, tố cáo

Nhìn chung, công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong 6 tháng đầu năm 2022 có những chuyển biến tích cực. Thực hiện việc lãnh đạo trực tiếp công dân định kỳ và đột xuất luôn được thực hiện nghiêm túc, vì vậy những kiến nghị, phản ánh, những vấn đề mà nhân dân bức xúc luôn được ghi nhận kịp thời và chỉ đạo các ngành chức năng tham mưu giải quyết nghiêm túc. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh, nhất là các vụ việc phức tạp, kéo dài trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, chỉ đạo giải quyết dứt điểm, từ đó góp phần hạn chế việc khiếu kiện vượt cấp lên Trung ương, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, các chính sách an sinh xã hội cũng được UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành vận dụng một cách linh hoạt để đảm bảo ổn định đời sống cho nhân dân.

### 2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo

Trình độ hiểu biết của một bộ phận người dân còn hạn chế hoặc cố tình khiếu nại, tố cáo để gây khó khăn cho cơ quan Nhà nước, do đó còn trường hợp một số đơn thư của người dân đã được giải quyết đúng chế độ chính sách, đúng quy định của pháp luật nhưng người dân vẫn tiếp tục khiếu kiện. Mặt khác, vẫn còn trường hợp công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số cơ quan, đơn vị trình độ còn hạn chế, dẫn đến trong quá trình giải quyết chưa đảm bảo quy định về tiếp công dân, xử lý đơn và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trên địa bàn tỉnh đang chuẩn bị đầu tư các dự án để phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ còn một số hộ dân chưa thống nhất phát sinh đơn khiếu nại./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Công an tỉnh, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh;
- LĐVP, Phòng: NC, TH;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền